

Bản án số: **105/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 9 - 2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Tư;

2/ Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1988. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã MTN, huyện C L, tỉnh T G.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trí N**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã MTN, huyện C L, tỉnh T G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Trí N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang vào năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên cùng bạn bè đi chơi, không quan tâm vợ con. Nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trí N.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 06/3/2010 và Nguyễn Thị M Trinh, sinh ngày 18/12/2011. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh Nhật và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị M Trinh cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Trí N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Trí N. Anh N đang cư trú tại ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trí N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N và chị M theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Trí N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2014, quyền số 01/2014 ngày 10/7/2014, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị M trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm lẫn nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống. Riêng đối với anh N, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị M ly hôn anh vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị M nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh N và chị M ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh N và chị M có 02 con chung tên Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 06/3/2010 và Nguyễn Thị M Trinh, sinh ngày 18/12/2011. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu Nhật do chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trinh do anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chị M và anh N có công việc ổn định và đủ điều kiện nuôi con (có xác nhận của Chính quyền địa phương). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Minh Nhật cho chị M nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Thị M Trinh cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N và chị M chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị M không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị M khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Trí N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 06/3/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Thị M Trinh, sinh ngày 18/12/2011 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N và chị M không cấp dưỡng nuôi con chung do chưa yêu cầu.

Anh N và chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000095 ngày 08/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem chị M đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Thành Nam, CL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan